

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 3553/TTr-SLĐTBXH ngày 12 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính đã được công bố chuẩn hóa: Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm 125 thủ tục hành chính (trong đó, cấp tỉnh 94 thủ tục hành chính, cấp huyện 19 thủ tục hành chính, cấp xã 12 thủ tục hành chính).

2. Danh mục thủ tục hành chính công bố chuẩn hoá: Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm 37 thủ tục hành chính chính (trong đó, cấp tỉnh 31 thủ tục hành chính; cấp xã 6 thủ tục hành chính).

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: Chi tiết, có Phụ lục III đính kèm 14 thủ tục hành chính (trong đó, cấp tỉnh 12 thủ tục hành chính, cấp huyện 02 thủ tục hành chính) đã được công bố tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2016, Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017, Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung các thủ tục hành chính để UBND cấp huyện, Trung tâm Phục vụ hành chính công niêm yết công khai, hướng dẫn và tổ chức tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính trong Điều 1 Quyết định này tại phần mềm Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định. Hoàn thành trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, NC-KSTTHC (01b).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Hùng

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CHUẨN HOÁ
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI			
1.	2.000025.000.00.00.H23	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
2.	2.000027.000.00.00.H23	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
3.	2.000032.000.00.00.H23	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
4.	2.000036.000.00.00.H23	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
5.	1.000091.000.00.00.H23	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
6.	2.000044.000.00.00.H23	Thủ tục nghỉ chịu tang của học viên tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội	
II. LĨNH VỰC VIỆC LÀM			
7.	1.001865.000.00.00.H23	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
8.	1.001853.000.00.00.H23	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
9.	1.001823.000.00.00.H23	Thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
10.	1.001865.000.00.00.H23	Thủ tục Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
11.	2.000205.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
12.	2.000192.000.00.00.H23	Tên thủ tục Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
13.	1.000459.000.00.00.H23	Thủ tục Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	
14.	1.001881.000.00.00.H23	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	Quyết định số 656 /QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
15.	1.009811.000.00.00.H23	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp Tỉnh).	
16.	2.000219.000.00.00.H23	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh
17.	1.009873.000.00.00.H23	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
18.	1.009874.000.00.00.H23	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
19.	1.001978.000.00.00.H23	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	
20.	1.001973.000.00.00.H23	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	
21.	1.001966.000.00.00.H23	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
22.	2.001953.000.00.00.H23	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	
23.	2.000178.000.00.00.H23	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	
24.	1.000401.000.00.00.H23	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	
25.	2.000839.000.00.00.H23	Giải quyết hỗ trợ học nghề	

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
26.	2.000148.000.00.00.H23	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	Quyết định số 656 /QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của chủ tịch UBND tỉnh
27.	1.000362.000.00.00.H23	Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng	
28.	2.002398.000.00.00.H23	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động do đại dịch COVID-19	Quyết định 2134/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
29.	2.002399.000.00.00.H23	Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch COVID-19	
30.	1.008360.000.00.00.H23	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19	
31.	1.008363.000.00.00.H23	Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do đại dịch COVID-19	
32.	1.008362.000.00.00.H23	Hỗ trợ hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	
III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC			
33.	1.005219.000.00.00.H23	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
34.	2.002105.000.00.00.H23	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	
35.	1.005132.000.00.00.H23	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
36.	2.002028.000.00.00.H23	Đăng ký hợp đồng cá nhân	
IV. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG			

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
37.	1.000479.000.00.00.H23	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
38.	1.000464.000.00.00.H23	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
39.	1.000448.000.00.00.H23	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
40.	1.000436.000.00.00.H23	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
41.	1.000414.000.00.00.H23	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	
42.	2.001955.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký nội quy lao động của các doanh nghiệp	
43.	1.009466.000.00.00.H23	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	
44.	1.009467.000.00.00.H23	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện UBND cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	
V. LĨNH VỰC TIỀN LƯƠNG			
45.	2.001949.000.00.00.H23	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III	Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
46.	1.004949.000.00.00.H23	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	
VI. LĨNH VỰC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG			
47.	1.005449.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn,	Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
		tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	
48.	1.005450.000.00.00.H23	Thủ tục Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
49.	2.000134.000.00.00.H23	Thủ tục Khai báo các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
VII. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			
50.	1.000234.000.00.00.H23	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
51.	1.000266.000.00.00.H23	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập	

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
		trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
52.	1.000031.000.00.00.H23	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
53.	2.001959.000.00.00.H23	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
VIII. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
54.	2.000282.000.00.00.H23	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
55.	1.001806.000.00.00.H23	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
56.	2.000216.000.00.00.H23	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
57.	2.000144.000.00.00.H23	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	
58.	2.000141.000.00.00.H23	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
59.	2.000135.000.00.00.H23	Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	
60.	2.000062.000.00.00.H23	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
61.	2.000056.000.00.00.H23	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
62.	2.000051.000.00.00.H23	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	
63.	2.000286.000.00.00.H23	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
64.	2.000477.000.00.00.H23	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	
IX. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
65.	2.000978.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
66.	1.002252.000.00.00.H23	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	
67.	1.002271.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần	
68.	1.004967.000.00.00.H23	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp:	

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra 	
69.	1.002305.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ đối ưu đãi với thân nhân liệt sĩ	
70.	1.002354.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	
71.	1.002363.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	
72.	1.002377.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh	
73.	1.002393.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	
74.	1.002382.000.00.00.H23	Thủ tục giám định vết thương còn sót	
75.	1.002410.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
76.	1.003351.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
77.	1.002429.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
78.	1.002440.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	UBND tỉnh
79.	1.003423.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
80.	1.002449.000.00.00.H23	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	
81.	1.002487.000.00.00.H23	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	
82.	1.006779.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
83.	1.002519.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
84.	1.002720.000.00.00.H23	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	
85.	1.002741.000.00.00.H23	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	
86.	1.002745.000.00.00.H23	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	
87.	2.001157.000.00.00.H23	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
88.	2.001396.000.00.00.H23	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
89.	1.003025.000.00.00.H23	Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ	
90.	1.003042.000.00.00.H23	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
		chính hình	
91.	1.003057.000.00.00.H23	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	
92.	1.003159.000.00.00.H23	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	
93.	1.001257.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh/TP trực thuộc TW	Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
94.	1.002124.000.00.00.H23	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.	Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI			
1.	2.001661.000.00.00.H23	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			
2.	2.002284.000.00.00.H23	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các	Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của Chủ tịch

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
		Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	UBND tỉnh
3.	2.001960.000.00.00.H23	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	
III. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
4.	2.000282.000.00.00.H23	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
5.	2.000286.000.00.00.H23	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	
6.	2.000477.000.00.00.H23	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	
7.	1.000669.000.00.00.H23	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
8.	2.000298.000.00.00.H23	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
9.	2.000294.000.00.00.H23	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
10.	1.000684.000.00.00.H23	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động –	

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
		Thương binh và Xã hội	
11.	1.001776.000.00.00.H23	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
12.	1.001758.000.00.00.H23	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
13.	1.001739.000.00.00.H23	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	
14.	1.001731.000.00.00.H23	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	
15.	2.000777.000.00.00.H23	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	
16.	2.000744.000.00.00.H23	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	
17.	1.001753.000.00.00.H23	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
IV. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
18.	2.001375.000.00.00.H23	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
19.	2.001378.000.00.00.H23	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI			
1.	1.000132.000.00.00.H23	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
2.	1.003521.000.00.00.H23	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	
II. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
3.	2.000355.000.00.00.H23	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
4.	1.001699.000.00.00.H23	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
5.	1.001653.000.00.00.H23	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
6.	1.001776.000.00.00.H23	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
7.	1.001758.000.00.00.H23	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
8.	1.001739.000.00.00.H23	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	
9.	1.001731.000.00.00.H23	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	
10.	2.000751.000.00.00.H23	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	
III. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
11.	2.001382.000.00.00.H23	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
12.	1.003337.000.00.00.H23	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ CHUẨN HÓA THUỘC
PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG (Công bố tại Quyết định 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020)					
1.	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thẩm định hồ sơ, quyết định việc hỗ trợ.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định hỗ trợ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm chi trả kinh phí hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người sử dụng lao</p>	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<p>- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015.</p> <p>- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		đồng.			
2.	Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thẩm định hồ sơ, quyết định việc hỗ trợ và gửi quyết định (kèm theo dữ liệu danh sách hỗ trợ) cho cơ quan bảo hiểm xã hội.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm chi trả kinh phí hỗ trợ khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động.</p>	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<p>- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015.</p> <p>- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.</p>
3.	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã	Không	<p>- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015.</p> <p>- Nghị định số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thẩm định hồ sơ, quyết định việc hỗ trợ.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định hỗ trợ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm chi trả kinh phí hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động.</p>	<p>hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)</p>		<p>88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.</p>
II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP					
4.	<p>Thành lập Hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh (Công bố tại Quyết định 391/QĐ-LĐTBXH ngày 22 tháng 3 năm 2019)</p>	15 ngày làm việc	<p>Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải</p>	Không	<p>- Luật giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ LĐTB&XH về Điều lệ trường cao đẳng; - Thông tư 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Dương)		30/10/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
5.	Thủ tục Miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh (<i>Công bố tại Quyết định 645/QĐ-LĐTBXH ngày 08 tháng 5 năm 2017</i>)	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ LĐTB&XH về Điều lệ trường cao đẳng.
6.	Thủ tục Cách chức chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh (<i>Công bố tại Quyết định 645/QĐ-LĐTBXH ngày 08 tháng 5</i>	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh,	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ LĐTB&XH về Điều lệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<i>năm 2017)</i>		đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)		trường cao đẳng.
7.	Thành lập Hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh, Sở, UBND cấp huyện (<i>Công bố tại Quyết định 391/QĐ-LĐT BXH ngày 22 tháng 3 năm 2019)</i>)	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ LĐTB&XH quy định về Điều lệ trường trung cấp. - Thông tư 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
8.	Thủ tục Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	cấp tỉnh, Sở, UBND cấp huyện (<i>Công bố tại Quyết định 645/QĐ-LĐTBXH ngày 08 tháng 5 năm 2017</i>)		Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) - UBND cấp huyện		28/12/2016 của Bộ LĐTB&XH quy định về Điều lệ trường trung cấp.
9.	Thủ tục Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh, Sở, UBND cấp huyện (<i>Công bố tại Quyết định 645/QĐ-LĐTBXH ngày 08 tháng 5 năm 2017</i>)	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) - UBND cấp huyện	Không	- Luật giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ LĐTB&XH quy định về Điều lệ trường trung cấp.
10.	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục (<i>Công bố tại Quyết định 391/QĐ-LĐTBXH ngày 22 tháng 3 năm 2019</i>)	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1	Không	Luật giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ LĐTB&XH quy định về

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			- Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)		Điều lệ trường trung cấp. - Thông tư 18/2018/TT-BLĐTĐ ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
11.	Thủ tục công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục (<i>Công bố tại Quyết định 158/QĐ-BLĐTĐ ngày 01 tháng 2 năm 2019</i>)	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp.
12.	Thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục (<i>Công bố tại Quyết định 391/QĐ-LĐTĐ ngày 22</i>	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm	Không	Luật giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 47/2016/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<i>tháng 3 năm 2019)</i>		Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)		BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp. - Thông tư 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
13.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp (<i>Công bố tại Quyết định 391/QĐ-LĐTBXH ngày 22 tháng 3 năm 2019)</i>)	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	- Luật giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp
14.	<p>Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp (<i>Công bố tại Quyết định 391/QĐ-LDTBXH ngày 22 tháng 3 năm 2019</i>)</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp đăng ký bổ sung do đổi tên doanh nghiệp; 10 ngày làm việc đối với các trường hợp còn lại</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp</p>
15.	<p>Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (<i>Công bố tại Quyết định 981/QĐ-LĐTĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019</i>)</p>	20 ngày làm việc	<p>Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)</p>	Không	<p>- Luật giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp.</p>
16.	<p>Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (<i>Công bố tại Quyết định 981/QĐ-BLĐTĐ ngày 10 tháng 7 năm</i></p>	5 ngày làm việc	<p>Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1</p>	Không	<p>- Luật giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	2019)		- Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)		quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp.
17.	Cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp (<i>Công bố tại Quyết định 981/QĐ-LĐTĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019</i>)	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp.
18.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (<i>Công bố tại Quyết định 981/QĐ-LĐTĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019</i>)	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp.
19.	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận (Công bố tại Quyết định 981/QĐ-LĐTĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019)	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp.
20.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận (Công bố tại Quyết định 981/QĐ-LĐTĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019)	28 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp.</p>
21.	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (<i>Công bố tại Quyết định 981/QĐ-LĐTBXH ngày 10 tháng 7 năm 2019</i>)	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<p>- Luật giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp.</p>
22.	<p>Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp (<i>Công bố tại Quyết định 981/QĐ-LDTBXH ngày 10 tháng 7 năm 2019</i>)</p>	15 ngày làm việc	<p>Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)</p>	Không	<p>- Luật giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp.
23.	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (Công bố tại Quyết định 981/QĐ-LĐTĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019)	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	- Luật giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
24.	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương <i>(Công bố tại Quyết định 1613/QĐ-LĐTĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018)</i>	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	- Luật giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
25.	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ương (<i>Công bố tại Quyết định 1613/QĐ-LĐTBXH ngày 13 tháng 11 năm 2018</i>)	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
III. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ					
26.	Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	Không quy định thời gian	Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<i>(Công bố tại Quyết định 1828/QĐ-LĐTĐ ngày 12 tháng 10 năm 2015)</i>		Phục vụ Hành chính công (địa chỉ Tầng 1 - Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)		định về phân loại, xếp hạng tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập; - Thông tư số 18/2006/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 11 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội.
IV	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI				
27.	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em <i>(Công bố tại Quyết định 101/QĐ-LĐTĐ ngày 22 tháng 01 năm 2016)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã 01 ngày làm việc - UBND cấp huyện 01 ngày làm việc - Sở LĐTBXH 01 ngày làm việc 	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	Thông tư số 55/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý và giáo dục người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tại các cơ sở trợ giúp trẻ em.
28.	Đưa đối tượng ra khỏi cơ	Không quy định thời gian	Bộ phận Một cửa		Thông tư số 55/2015/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	sở trợ giúp trẻ em (<i>Công bố tại Quyết định 101/QĐ-LĐTBXH ngày 22 tháng 01 năm 2016</i>)		của cơ sở trợ giúp xã hội		BLĐTBXH ngày 16/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý và giáo dục người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tại các cơ sở trợ
IV	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG				
29.	Thủ tục Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh (<i>Công bố tại Quyết định 547/QĐ-LĐTBXH ngày 21 tháng 5 năm 2020</i>)	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc. - Phòng LĐTBXH 10 ngày làm việc - Sở LĐTBXH 10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Pháp lệnh ưu đãi người có công; - Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
30.	Thủ tục giải quyết mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp (<i>Công bố tại Quyết</i>	Không quy định	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Pháp lệnh ưu đãi người có công; - Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<i>định 547/QĐ-LĐTBXH ngày 21 tháng 5 năm 2020)</i>				18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ. - Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH ngày 10/7/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
31.	Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu – chia (<i>Công bố tại Quyết định 547/QĐ-LĐTBXH ngày 21 tháng 5 năm 2020)</i>	- UBND cấp xã 15 ngày làm việc. - UBND cấp huyện 05 ngày làm việc - UBND cấp tỉnh 05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Pháp lệnh ưu đãi người có công; - Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 1/8/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; - Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ. - Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC TRẺ EM				
1.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em (<i>Công bố tại Quyết định 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017</i>)	½ ngày (12 giờ)	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.
2.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em (<i>Công bố tại Quyết định 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017</i>)	5 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.
3.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (<i>Công bố tại Quyết định 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017</i>)	7 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.
4.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	Luật trẻ em năm 2016. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	thế không phải là người thân thích của trẻ em (<i>Công bố tại Quyết định 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017</i>)				điều của Luật trẻ em.
5.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em (<i>Công bố tại Quyết định 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017</i>)	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.
6.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế (<i>Công bố tại Quyết định 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017</i>)	25 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.

Phụ lục III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG (Công bố tại Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương).		
1.		Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc thay thế Nghị định số 37/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.
2.		Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.
II	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (Công bố tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh).		
3.		Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên	Công bố chuẩn hóa tại Quyết định 547/QĐ-LĐTBXH ngày 21 tháng 5 năm 2020

		gia sang giúp Lào, Căm-pu- chia.	
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (Công bố tại Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương).		
4.		Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Giáo dục nghề nghiệp
5.		Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Giáo dục nghề nghiệp
6.		Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Giáo dục nghề nghiệp
7.		Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
8.		Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của

		và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
9.		Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp)	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Giáo dục nghề nghiệp
10.		Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp).	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Giáo dục nghề nghiệp
11.		Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN đối với TTGDNN, trường trung cấp, doanh nghiệp	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Giáo dục nghề nghiệp
12.		Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Giáo dục nghề nghiệp

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (Công bố tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương).		
1.		Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	Quyết định số 3592/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc hợp nhất Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương và Trung tâm Tư vấn và Điều trị nghiện ma túy tỉnh Hải Dương thành Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương
2.		Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	Quyết định số 3592/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc hợp nhất Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương và Trung tâm Tư vấn và Điều trị nghiện ma túy tỉnh Hải Dương thành Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương